

Số: 47/TB-SGDĐT

Bắc Giang, ngày 10 tháng 05 năm 2022

THÔNG BÁO

Xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2021

Đơn vị được xét duyệt: Trường THPT Hiệp Hòa số 4

Mã chương 422 Loại 070- 074

Căn cứ Thông tư số 137/2017/TT-BTC ngày 25 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định xét duyệt, thẩm định, thông báo và tổng hợp quyết toán năm;

Căn cứ Báo cáo quyết toán ngân sách năm 2021 của Trường THPT Hiệp Hòa số 4 và Biên bản xét duyệt quyết toán năm 2021 (không bao gồm vốn đầu tư XDCB) giữa Sở Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) và Trường THPT Hiệp Hòa số 4;

Sở GD&ĐT thông báo xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2021 (không bao gồm vốn đầu tư XDCB) Trường THPT Hiệp Hòa số 4 như sau:

I. PHẦN SỐ LIỆU

1. Số liệu quyết toán:

a) Thu phí, lệ phí: Không có

b) Thu sản xuất kinh doanh dịch vụ: 3.335.115.389 đồng.

c) Quyết toán chi ngân sách (không bao gồm kinh phí đầu tư XDCB):

*** Số dư kinh phí năm trước chuyển sang: 0 đồng**

- Nguồn NSNN chi thường xuyên 0 đồng

- Nguồn NSNN chi không thường xuyên 0 đồng

*** Dự toán được giao trong năm: 9.930.835.000 đồng**

- Nguồn NSNN chi thường xuyên 9.230.835.000 đồng

- Nguồn NSNN chi không thường xuyên 700.000.000 đồng

*** Kinh phí quyết toán trong năm: 9.930.835.000 đồng**

- Nguồn NSNN chi thường xuyên 9.230.835.000 đồng

- Nguồn NSNN chi không thường xuyên 700.000.000 đồng

*** Số dư kinh phí được chuyển năm sau sử dụng và quyết toán bao gồm: 0 đồng**

- Nguồn NSNN chi thường xuyên 0 đồng

- Nguồn NSNN chi không thường xuyên 0 đồng

(Số liệu chi tiết kèm theo Phụ lục II đính kèm)

2. Tình hình thực hiện kiến nghị của Kiểm toán, Thanh tra, cơ quan Tài chính:
không có

3. Thuyết minh số liệu quyết toán

- Tình hình quyết toán ngân sách đối với các nhiệm vụ chi: Đơn vị đã hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch, nhiệm vụ được giao; trong năm phát sinh tăng kinh phí đảm bảo cải cách tiền lương.

- Đối với các Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách: Không có

II. Nội dung đối chiếu số liệu kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ:

- Thặng dư/thâm hụt: 140.826.111 đồng
- Trích lập các quỹ: 292.909.950 đồng
- Kinh phí cải cách tiền lương: 235.467.900 đồng

(Số liệu chi tiết kèm theo Phụ lục I đính kèm)

III. Nhận xét và kiến nghị:

1. Nhận xét:

1.1. Về chấp hành thời hạn nộp báo cáo quyết toán

Đơn vị nộp Báo cáo quyết toán đúng thời hạn

1.2. Về các mẫu biểu báo cáo quyết toán

Đơn vị đã lập đúng, đủ các biểu mẫu báo cáo quyết toán theo quy định tại Công văn số 105/SGDĐT-KHTC ngày 28/01/2022 của Sở GD&ĐT. Số liệu giữa báo cáo tổng hợp và báo cáo chi tiết khớp đúng.

1.3. Về chấp hành các quy định của nhà nước:

1.3.1. Việc mua sắm, sửa chữa tài sản:

Đơn vị thực hiện đúng quy định về mua sắm tài sản từ các khâu lập kế hoạch trình Sở GD&ĐT phê duyệt, lập thẩm định giá tài sản theo quy định tại Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06/8/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật giá về thẩm định giá, Quyết định số 30/2018/QĐ-UBND ngày 09/11/2018 của UBND tỉnh; Quyết định số 22/2021/QĐ-UBND ngày 29/6/2021 của UBND tỉnh; Công văn số 1279/UBND-KT ngày 13/5/2016, Công văn số 4299/UBND-KT ngày 07/12/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về thực hiện mua sắm tài sản; các quy định về sửa chữa theo Quyết định số 01/2019/QĐ-UBND ngày 04/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang ban hành Quy định một số nội dung về quản lý đầu tư và xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; Quyết định số 29/2021/QĐ-UBND ngày 13/7/2021.

1.3.2. Việc quản lý và sử dụng tài sản:

Đơn vị sử dụng, quản lý tài sản theo đúng các quy định tại Thông tư số 23/2016/TT-BTC ngày 16/02/2016 của Bộ Tài chính quy định một số nội dung về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại đơn vị sự nghiệp công lập; Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 7/5/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

1.3.3. Việc chấp hành chế độ thu, nộp ngân sách nhà nước:

Đơn vị thực hiện cơ bản đúng các quy định nghĩa vụ thuế với nhà nước. Tuy nhiên đơn vị chưa xác định 5% thuế giá trị gia tăng từ nguồn thu trông xe năm 2021 là: 11.072.000 đồng.

1.3.4. Quy chế chi tiêu nội bộ:

- Về thể thức và các căn cứ áp dụng văn bản để xây dựng QCCTNB: đảm bảo đúng quy định.

- Về nội dung: đơn vị xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ cơ bản đầy đủ nội dung chi. Tuy nhiên:

Tại Điều 15 Thanh toán giá thuê phòng thực tế

+ Đi công tác tại TP đô thị loại 1 mức thuê phòng thực tế 500.000 đồng/ngày/phòng theo tiêu chuẩn 2 người/phòng, trong khi mức khoán 300.000 đồng/người/ngày cao hơn mức thực tế, điều này không hợp lý.

+ Đi công tác tại các vùng còn lại mức thuê phòng thực tế 350.000 đồng/ngày/phòng theo tiêu chuẩn 2 người/phòng, trong khi mức khoán 230.000 đồng/người/ngày cao hơn mức thực tế, điều này không hợp lý.

- Về định mức: đảm bảo các định mức thấp hơn các văn bản hiện hành

1.3.5. Hạch toán thu chi, quyết toán mục lục ngân sách, tỷ lệ sử dụng kinh phí của các nguồn:

Đơn vị hạch toán đầy đủ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh và quyết toán theo đúng mục lục ngân sách nhà nước quy định.

Đơn vị xây dựng kế hoạch chi cho các hoạt động chuyên môn, chi cho con người, tăng cường cơ sở vật chất từ nguồn thu học phí và các nguồn kinh phí khác cơ bản đảm bảo tỷ lệ theo Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

Thực hiện thu học phí đúng đối tượng, mức thu và thời gian. Tổng số thực thu học phí năm 2021 là 588.699.800 đồng, số phải trích 40% thực hiện cải cách tiền lương là 279.592.600 đồng; Số giao dự toán thu 658.000.000 đồng, số đã trích 40% thực hiện cải cách tiền lương là 263.200.000 đồng; Số tiếp tục phải thực hiện cải cách tiền lương là 16.392.600 đồng.

1.3.6. Sổ sách kế toán: Đơn vị lập đầy đủ các loại sổ sách kế toán theo quy định.

1.3.7. Chứng từ kế toán:

Chứng từ kế toán cơ bản đảm bảo đúng mẫu quy định, gọn gàng, sạch sẽ, đảm bảo thời gian lưu trữ lâu dài. Tuy nhiên:

- Phiếu chi số 02 ngày 24/7/2021 Chi tiền ban tuyển sinh năm học 2021-2022 số tiền 4.320.000 đồng thời gian làm việc của ban tuyển sinh là 6 ngày, thiếu bảng phân công nhiệm vụ.

- Phiếu chi số 04 ngày 16/8/2021 Chi tiền mua giấy thi, giấy nháp, VPP tuyển sinh NH 2021-2022 số tiền 23.415.000 đồng; người mua hàng chưa ký hóa đơn số 0007922 ngày 22/7/2021.

- Phiếu chi số 06 ngày 20/8/2021 số tiền 7.734.500 đồng chi bút dạ, băng dính.... Thiếu hợp đồng, thiếu giao nhận văn phòng phẩm.

- PC số 01 ngày 16/11/2021 số tiền 260.384.000 đồng chi tiền may đồng phục học sinh; thiếu danh sách cấp phát cho các lớp; thiếu biên bản họp ban đại diện cha mẹ học sinh về việc thống nhất may đồng phục. Hợp đồng, báo giá không ghi rõ màu sắc, chất liệu trang phục.

- Các khoản thu: Thực hiện thu, chi đúng quy định

1.3.8. Chế độ chi tiêu:

Các khoản chi đảm bảo đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định và Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

1.3.9. Thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán, Thanh tra: Không có.

2. Kiến nghị

- Thực hiện rà soát lại toàn bộ sổ sách kế toán, chứng từ gốc để đưa vào bảo quản đảm bảo an toàn và chịu trách nhiệm về số liệu quyết toán và tính hợp pháp, hợp lệ của chứng từ năm 2021 trước Nhà nước và Pháp luật.

- Thực hiện công khai quyết toán ngân sách năm 2021 theo quy định tại Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính.

Thông báo này làm căn cứ để Trường THPT Hiệp Hòa số 4 hạch toán kết chuyển kinh phí theo quy định./.

Nơi nhận:

- Trường THPT Hiệp Hòa số 4;
- Sở Tài chính;
- Lưu: VT, KHTC.

GIÁM ĐỐC

Tạ Việt Hùng